

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST  
Ngày: 06-10-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Út.
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Văn Công D, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1978;

2. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Thị Ánh H, sinh năm 1983;

Nơi ĐKNKTT: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện tại: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa của nguyên đơn ông Văn Công D trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ông có bà D1 vay nhiều lần trong khoảng thời gian từ năm 2019, mỗi lần vay từ 100 triệu, 200 triệu, 300 triệu. Tổng số tiền của nhiều lần vay lên đến 1.000.000.000 đồng. Tiếp đó đến năm 2021, bà D1 tiếp tục hỏi vay số tiền 800.000.000 đồng. Ông có nói với bà D1 vay số tiền lớn thì phải có tài sản thế chấp mới đồng ý cho vay. Lúc này bà D1 và ông L đồng ý ký hợp đồng ủy quyền đất cho ông. Cụ thể ngày 22/4/2021 tại văn phòng C vợ chồng ông L, bà D1 ký hợp đồng ủy quyền cho ông đối với thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01, tại Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An, mục đích của hợp đồng ủy quyền là để đảm bảo cho việc vay tiền của các bên với số tiền vay tổng cộng là 1.800.000.000 đồng. Lúc này hai bên không có làm giấy vay tiền riêng nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất vay 1.800.000.000 đồng mỗi tháng trả lãi 30.000.000 đồng, bà D1 trả lãi từ tháng 4/2021 cho đến tháng 6/2022 thì ngưng không trả lãi nữa, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền vay. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền được vài tháng thì vợ chồng bà D1 nói khó khăn trong làm ăn nên nhờ ông hủy bỏ hợp đồng ủy quyền để bà D1 làm thủ tục thế chấp vay ngân hàng sau đó sẽ trả hết tiền còn nợ cho ông. Ông tin tưởng vợ chồng bà D1 nên ngày 02/12/2021 thì ông cùng với ông L, bà D1 ra phòng C1 làm thủ tục hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2021. Nhưng sau đó vợ chồng bà D1 không giữ lời hứa trả tiền vay cho ông và ông nghe nói cầm cố đất cho người khác chứ không có thế chấp vay ngân hàng. Đến ngày 10/12/2021 thì bà D1 mới làm giấy tay Hợp đồng vay và nhận tiền xác nhận có nợ ông số tiền vay 1.800.000.000 đồng.

Do nhiều lần hứa hẹn trả nợ vay nhưng phía ông L, bà D1 không chịu trả nên ngày 21/3/2022 vợ chồng bà D1 có lập hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị Ánh H và ngày 28/6/2023 tại Văn phòng công chứng Võ Văn B bên ông L, bà D1 do bà H đại diện và ông D có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 7 tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Tr, giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng. Việc các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là do các bên đã tự thỏa thuận chuyển nhượng đất để khấu trừ số nợ là 150.000.000 đồng trong khoản nợ vay 1.800.000.000 đồng của bà D1, ông L nợ ông. Nay, ông xác định yêu cầu bà D1, ông L liên đới trả số nợ vay là 1.650.000.000 đồng, tự nguyện không yêu cầu vợ chồng bà D1, ông L trả lãi.

Đối với hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/6/2023, ông xác định không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu ông L, bà D1 có tranh chấp với ông thì sau này có thể yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 và ông Trần Thanh L đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng nhưng ông L, bà D1 không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ánh H trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2023 và tại phiên tòa như sau:* Bà là vợ của ông D. Việc ông D cho vợ chồng bà D1 vay tiền tôi có biết vì cũng có tham gia. Toàn bộ số tiền cho vợ chồng bà D1 vay là tiền chung của hai vợ chồng nhưng do giấy tờ vay ông D là người đứng tên bên cho vay nên vợ chồng thống nhất để mình ông D đứng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D1, ông L trả nợ. Bà đồng ý việc ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D1, ông L liên đới trả nợ cho mình ông D, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay cho bà.

Đối với hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/6/2023, bà cũng xác định không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu ông L, bà D1 có tranh chấp thì sau này có thể yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Bà không có ý kiến hay yêu cầu nào khác trong vụ án này.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp phát sinh giữa ông Văn Công D với bà Nguyễn Thị Kim D1 và ông Trần Thanh L thông qua “Hợp đồng vay và nhận tiền ngày 10/12/2021” là tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 và ông Trần Thanh L có địa chỉ cư trú tại Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Long An nên khi ông D có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng vay và nhận tiền ngày 10/12/2021 do nguyên đơn cung cấp thì các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Như vậy có căn cứ xác định quan hệ vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay không có kỳ hạn. Tuy

nhien, ông D đã thông báo cho vợ chồng bà D1, ông L yêu cầu thanh toán nợ đến ngày 27/5/2023. Vụ án đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân Sự.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Trần Thanh L được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng cụ thể: Trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 03, 04 và 05 tháng 8 năm 2023 và B1 vào các ngày 04, 06 và 11 tháng 8 năm 2023 nhưng bà D1, ông L vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 180, Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.3] Về chứng cứ, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 và ông Trần Thanh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Văn Công D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Trần Thanh L trả số tiền gốc vay là 1.650.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

[4.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc: Nguyên đơn ông D trình bày từ năm 2019 có cho vợ chồng bà D1 vay tiền nhiều lần. Trong quá trình vay mượn tiền giữa hai bên có lần làm giấy tay, có lần làm dưới hình thức hợp đồng ủy quyền để cho vay tiền. Đến ngày 10/12/2021 thì hai bên có chốt lại số nợ vay vốn là 1.800.000.000 đồng bằng giấy tay Hợp đồng vay và nhận tiền ngày 10/12/2021. Căn cứ vào bản gốc giấy tay Hợp đồng vay và nhận tiền ngày 10/12/2021 nguyên đơn cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị Kim D1 có vay của ông Văn Công D số tiền 1.800.000.000đồng, tại mục đại diện bên B (gọi là bên vay) cuối giấy tay có chữ ký, viết họ tên Nguyễn Thị Kim D1. Do nhiều lần hứa hẹn trả nợ vay nhưng phía ông L, bà D1 không chịu trả nên ngày 21/3/2022 tại Văn phòng C vợ chồng bà D1, ông L có lập hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị Ánh H và ngày 28/6/2023 tại Văn phòng công chứng Võ Văn B bên ông L, bà D1 do bà H đại diện và ông D có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 7 tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Tr, giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng. Việc các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là do các bên đã tự thỏa thuận chuyển nhượng đất để khấu trừ số nợ là 150.000.000 đồng trong khoản nợ vay 1.800.000.000 đồng nên ông D xác định yêu cầu bà D1, ông L liên đới trả số nợ vay là 1.650.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của ông D phù hợp với các tài liệu chứng cứ giao nộp.

Đối với bà D1, ông L được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà D1 không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây được

xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa ông D và bà D1 có xác lập quan hệ giao dịch dân sự vay tài sản, giao dịch dân sự được thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do bà D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông D khởi kiện yêu cầu trả cho số tiền gốc vay là 1.650.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với tiền lãi: Ông D trình bày khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay 1.800.000.000 đồng mỗi tháng trả lãi 30.000.000 đồng, bà D1, ông L trả lãi từ tháng 4/2021 cho đến tháng 6/2022 thì ngưng không trả lãi nữa nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh có thỏa thuận lãi và nhận lãi, bà D1, ông L cũng không có ý kiến về vấn đề này. Tại phiên tòa, ông D xác định không yêu cầu vợ chồng bà D1, ông L trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về nghĩa vụ liên đới: Ông D yêu cầu bà D1 cùng chồng là ông L có trách nhiệm liên đới trả số nợ vay 1.650.000.000 đồng với lý do mặc dù trong hợp đồng vay tiền bằng giấy tay không có chữ ký của ông L tuy nhiên suốt quá trình vay mượn tiền ông L có biết và cũng có trực tiếp tham gia thể hiện qua việc ký các hợp đồng ủy quyền với ông D và vợ của ông là bà Võ Thị Ánh H. Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày này phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể ngày 22/4/2021, tại Văn phòng C ông L, bà D1 có ký hợp đồng ủy quyền cho ông D đối với thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01, đất tại xã P, huyện C. Ngày 02/12/2021, tại Văn phòng C thì ông L, bà D1 và ông D ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2021. Tiếp đó, vào ngày 21/3/2022 tại Văn phòng C, ông L, bà D1 tiếp tục ký hợp đồng ủy quyền cho bà Võ Thị Ánh H đối với thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 7, đất tại ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Tr do ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28/6/2023 tại Văn phòng C2 bên ông L, bà D1 do bà H đại diện và ông D có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 7 giá là 150.000.000 đồng để trừ vào số nợ vay của bà D1, ông L. Như vậy, có thể thấy vào thời điểm năm 2021, năm 2022 vợ chồng bà D1, ông L có cùng nhau tham gia xác lập các giao dịch dân sự với vợ chồng ông D, bà H. Tại thời điểm vay tiền của ông D thì ông L và bà D1 là vợ chồng, hôn nhân giữa ông L, bà D1 vẫn đang tồn tại nên xác định khoản vay trên là trong thời kỳ hôn nhân. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà D1 và ông L cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông D số tiền còn nợ 1.650.000.000 đồng.

[4.4] Đối với hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/6/2023, ông D, bà H xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu ông L, bà D1 có tranh chấp thì sau này có thể yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về lệ phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Văn Công D phải chịu số tiền 4.500.000 đồng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông D đã nộp xong.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà D1, ông L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông D. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông D.

[8] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Công D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Trần Thanh L về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Trần Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Văn Công D số tiền là 1.650.000.000 (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1, ông Trần Thanh L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 61.500.000đồng. Hoàn trả cho ông Văn Công D 33.000.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005755 ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Quyền**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Văn Hải – Nguyễn Ngọc Thi**

**Nguyễn Ngọc Thám**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Thị Cẩm Hồng**